

SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Phạm Trọng Duy *

1. Tình hình thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam

Qua hơn 10 năm ban hành và thực hiện, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của Việt Nam đã chủ động chỉnh sửa, thay đổi và hoàn thiện, tạo môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, đảm bảo bình đẳng với mọi thành phần kinh tế, dần tiếp cận với toàn bộ thông lệ quốc tế, phục vụ tích cực và trực tiếp cho quá trình hội nhập chung của đất nước và tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài.

Việc trước đây áp dụng chung một mức thuế suất thuế TNDN phổ thông lên cả đối tượng là tổ chức và cá nhân không những gây thất thu cho NSNN mà còn tạo ra sự không bình đẳng, một yếu tố cơ bản cản trở chính sách động viên thuế. Vì vậy, việc chính sách thuế TNDN hiện hành quy định chỉ đánh vào đối tượng là các tổ chức, các doanh nghiệp là một bước tiến lớn góp phần hoàn thiện chính sách thuế TNDN dần tương đồng với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, chính sách thuế TNDN luôn được hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Việc giảm mức thuế suất thuế TNDN phổ thông từ 32% xuống 28% trước đây và đến nay là 25% là hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế về xu hướng cải cách

chính sách thuế TNDN của các nước đang phát triển.

Theo thông lệ chung về cải cách thuế của các nước đang phát triển, do nhận thức rõ về vai trò của tài chính công, nên hầu hết các quốc gia đang phát triển trên thế giới đều tiến hành cải cách thuế TNDN. Đặc biệt, do hầu hết các nước này đều nghèo và thiếu vốn đầu tư nên họ tập trung vào việc tạo môi trường đầu tư cạnh tranh nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, trong đó việc cắt giảm thuế suất thuế TNDN được ưu tiên hàng đầu cả về mức cắt giảm lẫn tiến độ thực hiện.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn nền kinh tế thế giới phát triển theo hướng mở rộng và hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng lợi thế cạnh tranh giữa các quốc gia để phát triển kinh tế thì các nước phát triển (thường là các nước giàu về nguồn vốn, công nghệ tiên tiến) đã chuyển hướng đầu tư ra các nước nghèo với lợi thế về nhân công lao động rẻ. Nắm bắt xu hướng này, với mục tiêu thu hút vốn ĐTNN nên ngoài việc phải cắt giảm thuế suất thuế TNDN thì các quốc gia đang phát triển cũng đã thực sự quan tâm tới tốc độ cắt giảm thuế suất thuế TNDN. Theo đó, tốc độ cắt giảm của các quốc gia đang phát triển thường nhanh hơn tốc độ cắt giảm của các quốc gia phát triển nhằm thu hút vốn đầu tư.

Với ba lần điều chỉnh thuế suất thuế TNDN và bãi bỏ việc đánh thuế đối với chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTNN, chúng ta cũng đã kịp thời thu hút được một lượng lớn vốn

* Phạm Trọng Duy, Chi cục Thuế huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Như đã trình bày ở trên, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông hiện nay của Việt Nam là 25%. Để trả lời câu hỏi, trong những năm tới, chúng ta nên giữ nguyên mức thuế suất này hay điều chỉnh giảm đi để giảm gánh nặng cho doanh nghiệp và nếu giảm thì giảm bao nhiêu, thì trước hết cần thống nhất một quan điểm mang tính tiền đề. Đó là: việc xác định mức thuế suất cần đứng cả trên góc độ Nhà nước và góc độ doanh nghiệp, bởi vì nếu chỉ xét thuần trên góc độ doanh nghiệp thì thuế TNDN càng thấp càng tốt và tốt nhất là Nhà nước không thu thuế TNDN. Song, rõ ràng điều này là không thể vì thuế TNDN là một sắc thuế quan trọng cấu thành trong hệ thống thuế của mỗi quốc gia và nó có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo số thu cho ngân sách cũng như trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Chưa xét đến góc độ ảnh hưởng đến số thu ngân sách, việc xác định thuế suất thuế TNDN cần được xét trên 2 góc độ. *Thứ nhất*, gánh nặng thuế đối với doanh nghiệp; *thứ hai*: mức thuế suất thuế TNDN hiện nay và xu thế thay đổi thuế suất thuế TNDN của các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam.

Xét trên góc độ gánh nặng thuế đối với doanh nghiệp thì đã khá rõ. Mặc dù thuế suất không phải là quá cao, song nếu muốn giảm gánh nặng về thuế cho các doanh nghiệp thì mức thuế suất thuế TNDN có thể giảm một mức nhất định. Mức cụ thể là bao nhiêu cần cân nhắc thêm các yếu tố khác.

Cần quan tâm đến mức thuế suất thuế TNDN hiện nay và xu thế thay đổi thuế suất thuế TNDN của các nước trong khu vực bởi vì nếu thuế suất thuế TNDN của Việt Nam quá cao sẽ làm giảm sự hấp dẫn đối với nhà ĐTNN, song nếu thuế suất thuế TNDN thấp hơn so với các nước thì các doanh nghiệp

nước ngoài cũng không được lợi gì mà lợi ích thường chuyển cho Nhà nước của các quốc gia khác do hầu hết các nước (*trừ một số nước có ký Hiệp định với Việt Nam có quy định khác*) đều đưa phần thu nhập nhận được từ nước ngoài vào đánh thuế thu nhập công ty (*cho trừ phần thuế đã nộp ở nước ngoài*). Xét trên góc độ này, thuế suất thuế TNDN của Việt Nam hiện nay ở mức trung bình của khu vực. Trung Quốc đã hạ thuế suất từ 33% xuống còn 25%, đồng thời với việc xóa bỏ (có lộ trình trong 5 năm) hầu hết các ưu đãi thuế, kể cả ưu đãi đối với các doanh nghiệp ĐTNN trước đây. Các nước khác trong khu vực Đông và Đông Nam Á quy định nhiều mức thuế suất khác nhau, song, nhìn chung đều ở mức thấp: Hồng Kông 16,5%; Hàn Quốc 13% và 25%; Singapore 17% (năm 2007 là 20%); Đài Loan 17%; Thái Lan 30%; Philippines hạ thuế suất từ 35% xuống 30% áp dụng từ 01/01/2009; Malaysia 25%. Xu hướng gần đây các nước trong khu vực châu Á cho thấy các nước thu gọn danh mục ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi; dành sự quan tâm nhiều hơn đến chất lượng nhà đầu tư khi sử dụng ưu đãi thuế TNDN trong thu hút ĐTNN.

Như vậy, một số nước và vùng lãnh thổ có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào Việt Nam thì thuế suất thuế TNDN của Việt Nam lại cao hơn, đó là Singapore, Hồng Kông. Một điểm nữa cũng đáng lưu ý là Trung Quốc đang có mức thuế suất thuế TNDN bằng với chúng ta. Trong khi đó, Trung Quốc hiện nay đang là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có nhiều lợi thế trong thu hút vốn ĐTNN.

Mặt khác, nền kinh tế vừa trải qua khủng hoảng và suy thoái nặng nề đang cần phải phục hồi để phát triển mạnh trong các thập niên sắp tới theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội lần thứ XI của Đảng đề ra. Chính phủ đã phải áp dụng các chính sách về thuế để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thúc đẩy kinh tế phát triển, trong đó có việc giảm thuế TNDN, gia hạn nộp thuế TNDN. Mà theo nguyên lý thông thường thì

một trong những giải pháp quan trọng để phục hồi nền kinh tế đang suy giảm là cần phải giảm thuế. Hơn nữa các doanh nghiệp trong nước đang gặp nhiều khó khăn về vốn, về khả năng cạnh tranh, về đổi mới công nghệ, về đào tạo nguồn nhân lực,... cho nên chi phí lớn, giá thành cao, hiệu quả thấp. Vì vậy, giảm mức thuế suất thuế TNDN cũng là biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để phát triển sản xuất, nuôi dưỡng nguồn thu lâu dài.

2. Một số khuyến nghị chính sách

Từ những lý do trên, trong thời gian tới, khi có thể điều chỉnh cơ cấu thuế suất các sắc thuế khác để đảm bảo số thu cho ngân sách, *Việt Nam nên điều chỉnh giảm mức thuế suất phổ thông của thuế TNDN xuống mức 20% là phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước ta hiện nay.*

Về thuế suất thuế TNDN còn một điểm quan trọng nữa cần cân nhắc. Đó là nên có mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất phổ thông dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo kinh nghiệm của Nhật Bản, các doanh nghiệp nhỏ và đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước trong mọi giai đoạn phát triển, nó tạo ra một kênh huy động vốn năng động, hiệu quả để phát triển kinh tế đất nước. Mặt khác, chính sách đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nhằm thực hiện mục tiêu điều tiết vĩ mô nền kinh tế và mục tiêu xã hội. Đó là: khắc phục những bất lợi do các nhân tố không hoàn hảo trên thị trường mang lại; hạn chế các tác động bất lợi của các chính sách công nghiệp khác tới sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa so với doanh nghiệp lớn.

Chính vì những lý do trên, Việt Nam nên quy định mức thuế suất thuế TNDN dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hơn mức thuế suất phổ thông. Mức thuế suất này nên ở mức từ 15% đến dưới 20%, ở mức trung bình theo biểu thuế lũy tiến từng phần của chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) hiện nay. Việc lựa chọn mức thuế suất ưu đãi trong

khoảng trên xuất phát từ hai lý do. *Thứ nhất*, kể từ ngày 01/01/2009 các cá nhân kinh doanh chuyển từ việc nộp thuế TNDN sang nộp thuế TNCN, theo chính sách thuế TNCN hiện hành, theo đó mức thuế suất khởi điểm của cá nhân là 5% và cao nhất là 35%, mà cá nhân kinh doanh thường có mức thu nhập thấp hơn một chút so với các doanh nghiệp nhỏ. *Thứ hai*, theo kinh nghiệm của Nhật Bản, nước này áp dụng thuế suất 20% đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa so với mức thuế suất phổ thông là 30%, còn Hàn Quốc áp dụng mức thuế suất 16% đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa so với mức thuế suất phổ thông là 28%.

Liên quan đến vấn đề áp dụng thuế suất ưu đãi với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn một nội dung quan trọng cần đề cập đó là việc xác định tiêu chí để được coi là doanh nghiệp nhỏ và vừa và áp dụng mức thuế suất này. Có nhiều tiêu chí để phân biệt doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa như quy mô vốn, doanh thu, số lượng lao động, lợi nhuận,... Song, liên quan đến việc xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa để áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi thì tiêu thức nên lựa chọn là mức doanh thu và thu nhập chịu thuế (TNCT), bởi vì hai tiêu chí này có liên quan trực tiếp đến khả năng trả thuế của doanh nghiệp và nó cũng gắn liền với năng lực tài chính và quy mô kinh doanh thực sự của doanh nghiệp. Mức doanh thu và TNCT cụ thể là bao nhiêu để được coi là doanh nghiệp nhỏ và vừa và được áp dụng thuế suất ưu đãi cần có sự điều tra, khảo sát thực tế và cân nhắc cân trọng trước khi quyết định.

Có quan điểm cho rằng, việc áp dụng thuế suất thuế TNDN thấp hơn mức thuế suất phổ thông tạo ra sự bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trên thực tế, việc chỉ áp dụng một mức thuế suất cho cả doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa mới là bất bình đẳng vì quy định như vậy không tính đến khả năng trả thuế, không phát huy được ưu điểm có thể đánh lũy tiến vào thu nhập của thuế trực thu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội.
- Ernst & Young (2001), *Worldwide Corporate Tax Guide*.
- Nguyễn Văn Hiệu và Lê Xuân Trường (2008), *Hệ thống thuế một số nước ASEAN và Trung Quốc*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
- Ryutaro Komiya và Masahiro Okuno (1999), *chính sách công nghiệp của Nhật Bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2009), *Giáo trình nghiệp vụ thuế*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
- Đỗ Đức Minh và Nguyễn Việt Cường (2010), *Giáo trình lý thuyết thuế*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
- Đỗ Đức Minh, “Đánh giá tác động và ảnh hưởng của thuế đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”
- Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 – 2020*.
- Tổng cục Thuế (2008), *Báo cáo tổng kết thực hiện Luật Thuế TNDN*.
- Nguyễn Minh Tú (2001), *Chính sách công nghiệp và công cụ của chính sách công nghiệp kinh nghiệm của Nhật Bản và bài học rút ra cho CNH của Việt Nam*, Nxb lao động, Hà Nội
- Website: [http://en.Wikipedia.org/wiki/tax rates around the world](http://en.Wikipedia.org/wiki/tax_rates_around_the_world)